

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 555/2024/DS-PT
Ngày: 21-11-2024
V/v tranh chấp: "Thừa kế tài sản, hợp
đồng tặng cho QSDĐ đòi tài sản"

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 đến 21 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Thừa kế tài sản, hợp đồng tặng cho QSDĐ đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 440/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc V, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố G, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang

(Giấy ủy quyền số 004015 ngày 29/7/2022).

Bị đơn:

1. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1953 (Giấy ủy quyền số 120 ngày 28/11/2022),

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bà L, ông H1: ông Nguyễn Văn T thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Văn T, đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện G;
Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vũ K - Chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1999;

3. Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1, anh T2: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố G, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền số chứng thực 002692 ngày 12 tháng 6 năm 2024).

4. Anh Nguyễn Đức T3, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 2008;

Đại diện theo pháp luật: Chị Bùi Thị Ngọc V, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Ngô Thị T4 và ông Nguyễn Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 7 năm 2022, đơn kiện bổ sung và quá trình xét xử, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, chị Huỳnh Thị H trình bày: Chồng của chị V là anh Nguyễn Văn E chết ngày 06/8/2017. Chị V và anh Em có 04 con chung là Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Đức T2 và Nguyễn Ngọc H2. Mẹ của anh Em là bà Ngô Thị L. Anh Em chết không để di chúc, có đề tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 609, diện tích 430,3m², đất lúa; thửa số 607, diện tích 1551,5m² đất ở nông thôn và trồng cây hàng năm; thửa số 613, diện tích 774,5m², đất lúa, cùng tờ bản đồ số 83, tại ấp F, xã T, huyện G. Nguồn gốc các thửa đất là do bà Ngô Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn E vào năm 2016. Hiện nay trên thửa đất 607 có cây trồng của chị V, 01 căn nhà bà L quản lý; thửa đất 613 do ông H1 trồng cỏ và so dừa. Chị V yêu cầu chia thừa kế di sản của anh Em theo pháp luật. Cụ thể chia quyền sử dụng đất thửa 607 cho bà L 882,6m² (Có 100 m² đất ở nông thôn) ở vị trí có căn nhà bà L quản lý, chia phần đất còn lại của thửa 607, diện tích 668,9m² (Có 100 m² đất ở nông thôn) cho anh T1 và anh T2, chị V không yêu cầu trả tiền giá trị cây trồng. Chị V yêu cầu chia quyền sử dụng đất thửa 609, diện tích 430,3m² cho Nguyễn Ngọc H2, chia quyền sử dụng đất thửa 613, diện tích 774,5m² cho chị V và anh T3; yêu cầu ông H1 phải di dời toàn bộ cỏ, cây so dừa để giao thửa đất 613 cho chị V. Chị V rút yêu cầu chia thừa kế căn nhà. Chị V đồng ý giao toàn bộ căn nhà cho bà L sở hữu, không yêu cầu chi phí, giá trị nhà. Chị V đồng ý nhận phần thừa kế của anh T3 tặng cho chị V. Chị V không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L, không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà L với anh Em, vì hợp đồng đúng pháp luật, không đồng ý giao trả các thửa đất trên cho bà L.*

** Trong đơn yêu cầu phản tố ngày 25 tháng 4 năm 2023, đơn phản tố ngày 17 tháng 7 năm 2023 và quá trình xét xử, người đại diện ủy quyền của bà Ngô Thị L, anh Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Khi chồng bà L là ông Q còn sống đã có cho vợ chồng anh Em thửa đất 1577 và 1580 có tổng diện tích 2230 m² đất lúa, 100 m² đất thổ cư thửa 1560 và 01 căn nhà. Năm 2015 ông Q chết, bà L có chia đất cho các con trong gia đình và lập văn bản thỏa thuận di sản thừa kế giao bà L có quyền sử dụng 03 thửa đất nêu trên, có căn nhà trên đất là tài sản riêng của bà L. Năm 2016 bà L có điểm dấu vân tay trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 03 thửa nêu trên cho anh Nguyễn Văn E, nhưng Hợp đồng này không hợp lệ vì bà L không biết chữ, nên bị anh Em lừa dối, ép buộc bà L lặn tay để làm giấy tờ vay vốn Ngân hàng, chứ bà L không biết là lặn tay vào giấy tặng cho đất. Đến khi anh Em chết thì bà L mới được biết sổ đỏ đất của bà L đã sang tên anh Em. Nên bà L yêu cầu Tòa hủy Hợp đồng tặng cho đất giữa bà L và anh Em, hủy nội dung cập nhật sang tên Nguyễn Văn E trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ngô Thị L đối với các thửa đất 607, 609, 613, đồng thời yêu cầu chị V và các con chị V phải giao trả bà L toàn bộ diện tích 03 thửa đất nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật.

** Quá trình xét xử, bị đơn Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Anh H1 đã sử dụng thửa đất 613 từ khi ông Q còn sống cho đến nay. Anh H1 đã trồng cỏ và cây so đũa trên thửa đất 613 để chăn nuôi. Anh H1 thống nhất yêu cầu phản tố của bà L. Anh H1 không đồng ý giao thửa đất 613 cho chị V. Nếu Tòa buộc phải giao đất, anh H1 không yêu cầu giá trị cây trồng và cỏ trên thửa đất 613, không yêu cầu chi phí di dời cỏ, so đũa.

** Quá trình xét xử đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Đức T1 và anh Nguyễn Đức T2 trình bày:*

Thống nhất yêu cầu như chị V. Anh T1 và anh T2 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cho anh T2 và anh T1 ở thửa 607, diện tích 668,9m², vị trí có cây trồng của chị V. Anh T2 tự nguyện tặng cho toàn bộ phần thừa kế của anh T2 cho anh T1. Anh T1 và anh T2 không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L.

** Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức T3 trình bày:*

Thống nhất yêu cầu như chị V, không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L. Anh T3 tự nguyện tặng cho toàn bộ phần thừa kế của anh T3 cho chị V. Anh T3 xin vắng mặt khi Tòa xét xử.

** Quá trình giải quyết vụ án, em Nguyễn Ngọc H2 và người đại diện theo pháp luật là chị Bùi Thị Ngọc V trình bày:*

Thống nhất yêu cầu như chị V, không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bà L. Nguyễn Ngọc H2 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất cho em H2 thửa 609, diện tích 430,3m², xin vắng mặt khi Tòa xét xử.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản số 209/UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 Chủ tịch UBND xã T trình bày:*

Năm 2016 bà Ngô Thị L thực hiện tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn E, hợp đồng tặng cho được Chủ tịch UBND xã T chứng thực ngày 12/9/2016, vào sổ số 06 quyển 01/2016- SCT/HĐ, GD, trong hợp đồng tặng cho bà Ngô Thị L có điểm chỉ xác nhận tại UBND xã là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do bận công tác nên Chủ tịch UBND xã T xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 138/2024/DSST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 500,

501, 502, 503, 649, 660 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự, Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc V về chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa 607, 609, 613, cùng tờ bản đồ 83, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bà Ngô Thị L được quyền sử dụng đất diện tích 882,6m² (Có 100 m² đất ở nông thôn), thửa 607, có căn nhà bà L đang quản lý.

Anh Nguyễn Đức T1 được quyền sử dụng đất diện tích 668,9m² (Có 100 m² đất ở nông thôn), thửa 607, có cây trồng trên đất.

Em Nguyễn Ngọc H2 được quyền sử dụng đất thửa 609, diện tích 430,3m².

Chị Bùi Thị Ngọc V được quyền sử dụng đất thửa 613, diện tích 774,5m².

(Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Khi án có hiệu lực pháp luật, đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị L về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn E, hủy nội dung cập nhật sang tên tặng cho Nguyễn Văn E trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ngô Thị L, đòi lại quyền sử dụng đất thửa 607, 609, 613, cùng tờ bản đồ số 83, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Buộc anh Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây so dừa và cỏ trồng trên đất, giao toàn bộ diện tích thửa đất 613 cho chị Bùi Thị Ngọc V khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế căn nhà của chị Bùi Thị Ngọc V. Ghi nhận chị Bùi Thị Ngọc V, anh Nguyễn Đức T1, anh Nguyễn Đức T3, anh Nguyễn Đức T2 và em Nguyễn Ngọc H2 giao bà Ngô Thị L được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà trên thửa đất 607, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, bị đơn Ngô Thị L và Nguyễn Thanh H1 có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 138/2024/DSST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn Ngô Thị L kháng cáo cho rằng vợ chồng bà chỉ cho anh Nguyễn Văn E diện tích 2230m² năm 2007, đến năm 2016 Nguyễn Văn E đã gian dối chuyển toàn bộ đất còn lại của ông bà L và cho rằng đã cho tặng hết 2.756,3m². Do đó kháng cáo yêu cầu chia thêm cho bà phần diện tích ở thửa 609 diện tích là 430,3m² cấp theo lời đi. Nhưng tại phiên toà phúc thẩm anh Nguyễn Thanh H1 đại diện theo uỷ quyền của bà L lại yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà L với anh Em.

Bị đơn Nguyễn Thanh H1 kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, phần đất thửa số 613 tọa lạc tại ấp F, xã T, huyện G bà L đã cho ông trồng cây và trồng cỏ nên không đồng ý giao lại cho bà V, ông thay đổi yêu cầu kháng cáo là yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà L với anh Em.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Khi chồng bà L là ông Q còn sống đã có cho vợ chồng anh Em thửa đất 1577 và 1580 có tổng diện tích 2230 m² đất lúa, 100 m² đất thổ cư thửa 1560 và 01 căn nhà. Năm 2015 ông Q chết, bà L có chia đất cho các con trong gia đình và lập văn bản thỏa thuận di sản thừa kế giao bà L có quyền sử dụng 03 thửa đất gồm 607, 609, 613, cùng tờ bản đồ 83, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có căn nhà trên đất là tài sản riêng của bà L. Năm 2016 bà L có điểm dấu vân tay trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 03 thửa nêu trên cho anh Nguyễn Văn E, nhưng Hợp đồng này không hợp lệ vì bà L không biết chữ, nên bị anh Em lừa dối, ép buộc bà L lặn tay để làm giấy tờ vay vốn Ngân hàng, chứ bà L không biết là lặn tay vào giấy tặng cho đất. Đến khi anh Em chết thì bà L mới được biết sổ đỏ đất của bà L đã sang tên anh Em. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho này vì bà L bị lừa dối.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Các đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua yêu cầu kháng cáo của bà L và ông H1 tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh H1 đại diện uỷ quyền của bị đơn đồng thời cũng là bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Thanh H1 kháng cáo còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Thừa kế tài sản, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đòi tài sản*” là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc V, người liên quan Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức T2 có đại diện theo uỷ quyền chị Huỳnh Thị H, ông Nguyễn Thanh H1 là bị đơn cũng là đại diện theo uỷ quyền bà Ngô Thị L, luật sư Nguyễn Văn T có mặt, các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ủy ban nhân dân xã T, huyện G đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vũ K chức vụ Chủ tịch, anh Nguyễn Đức T3, Nguyễn Ngọc H2, đại diện theo pháp luật chị Bùi Thị Ngọc

Về vấn đề mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị L và ông H1 về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất hủy nội dung cập nhật sang tên Nguyễn Văn E trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ngô Thị L đối với các thửa đất 607, 609, 613, đồng thời yêu cầu chị V phải giao trả bà L 03 thửa đất trên. Căn cứ hồ sơ và tại phiên toà phúc thẩm nhận thấy: Anh H1 đại diện ủy quyền của bà L xác nhận bà L có điểm chỉ vân tay vào Hợp đồng tặng cho đất, là do anh Em lừa dối, ép buộc bà L. Tuy nhiên bà L và anh H1 không đưa ra chứng cứ cụ thể chứng minh bị lừa dối, ép buộc khi ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Cơ quan chứng thực hợp đồng đã xác nhận năm 2016 bà Ngô Thị L có điểm chỉ xác nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn E, được Chủ tịch UBND xã T chứng thực ngày 12/9/2016, vào sổ số 06 quyển 01/2016- SCT/HĐ, GD đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực, việc cập nhật đăng ký sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn E ngày 10/10/2016 là đúng quy định pháp luật. Nên bà L yêu cầu chị V, anh T1, anh T3, anh T2 và Nguyễn Ngọc H2 phải giao trả 03 thửa đất là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà L và ông H1 là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà L và ông H1 không có cơ sở và cũng không đưa được những lập luận gì cho rằng anh Em lừa dối bà L nên không có cơ sở chấp nhận lời bào chữa này.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do các đương là người cao tuổi nên căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, , khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 500, 501, 502, 503, 649, 660 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Thanh H1.

- Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 138/2024/DSST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc V về chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa 607, 609, 613, cùng tờ bản đồ 83, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bà Ngô Thị L được quyền sử dụng đất diện tích 882,6m² (Có 100 m² đất ở nông thôn), thửa 607, có căn nhà bà L đang quản lý.

Anh Nguyễn Đức T1 được quyền sử dụng đất diện tích 668,9m² (Có 100 m² đất ở nông thôn), thửa 607, có cây trồng trên đất.

Em Nguyễn Ngọc H2 được quyền sử dụng đất thửa 609, diện tích 430,3m².

Chị Bùi Thị Ngọc V được quyền sử dụng đất thửa 613, diện tích 774,5m².

(Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Khi án có hiệu lực pháp luật, đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị L về hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn E, hủy nội dung cập nhật sang tên tặng cho Nguyễn Văn E trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ngô Thị L, đòi lại quyền sử dụng đất thửa 607, 609, 613, cùng tờ bản đồ số 83, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Buộc anh Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây so dưa và cỏ trồng trên đất, giao toàn bộ diện tích thửa đất 613 cho chị Bùi Thị Ngọc V khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế căn nhà của chị Bùi Thị Ngọc V. Ghi nhận chị Bùi Thị Ngọc V, anh Nguyễn Đức T1, anh Nguyễn Đức T3, anh Nguyễn Đức T2 và em Nguyễn Ngọc H2 giao bà Ngô Thị L được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà trên thửa đất 607, tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang khi án có hiệu lực pháp luật.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Ngọc V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.647.000 đồng, được trừ số tiền số tiền 13.480.000 đồng, biên lai thu số 0028233 ngày 08/11/2022; số tiền 1.500.000 đồng, biên lai thu số 0028880 ngày 07/7/2023; số tiền 300.000 đồng, biên lai thu số 0013231 ngày 26/02/2024. Chị V được nhận lại số tiền 10.633.000 đồng. Anh Nguyễn Đức T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.325.600 đồng.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Ngô Thị L, ông Nguyễn Thanh H1 và em Nguyễn Ngọc H2.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 21 tháng 1 năm 2024 có mặt ông H1, ông T.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

